

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ ĐÌNH CHÍNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cam kết chất lượng giáo dục tiểu học thực tế

Học kỳ 1, năm học 2023-2024

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	632	118	110	119	133	152
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	632	118	110	119	133	152
III	Số học sinh chia theo năng lực						
1	Tự phục vụ, tự quản						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	599 94,78%	112 94,92%	107 97,27%	113 94,96%	117 87,97%	150 98,68%
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	27 4,27%	5 4,24%	3 2,73%	6 5,04%	12 9,02%	1 0,66%
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	6 0,95%	1 0,84%	/	/	4 3,01%	1 0,66%
2	Giao tiếp và hợp tác						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	606 95,89%	113 95,76%	109 99,1%	113 94,96%	125 93,98%	146 96,05%
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	25 3,96%	5 4,24%	1 0,9%	6 5,04%	8 6,02%	5 3,29%
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,15%	/	/	/	/	1 0,66%
3	Tự học và giải quyết vấn đề, sáng tạo						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	584 92,40%	112 94,92%	106 96,36%	111 93,28%	120 90,23%	134 88,16%
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	43 6,80%	6 5,08%	4 3,64%	7 5,88%	10 7,52%	16 10,53%
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	6 0,95%	/	/	1 0,84%	3 2,25%	2 1,31%
4	Ngôn ngữ						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	446 92,92%	114 96,61%	108 98,18%	108 90,76%	116 87,22%	/
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	32 6,66%	4 3,39%	2 1,82%	11 9,24%	15 11,28%	/
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,42%	/	/	/	2 1,50%	/
5	Tính toán						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	441 91,88%	114 96,61%	109 99,09%	105 88,23%	113 84,96%	/
b	Đạt	35	4	1	13	17	/

	(tỷ lệ so với tổng số)	7,29%	3,39%	0,91%	10,92%	12,78%	
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	4 0,83%	/	/	1 0,84%	3 2,26%	/
6	Khoa học						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	463 96,46%	117 99,15%	109 99,09%	118 99,16%	119 89,47%	/
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	17 3,54%	1 0,85%	1 0,91%	1 0,84%	14 10,53%	/
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
7	Công nghệ						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	238 94,44%	/	/	116 97,48%	122 91,73%	/
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	14 5,56%	/	/	3 2,52%	11 8,27%	/
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
8	Tin học						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	232 92,06%	/	/	110 92,44%	122 91,73%	/
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	20 7,94%	/	/	9 7,56%	11 8,27%	/
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
9	Thẩm mỹ						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	464 96,67%	116 98,31%	109 99,09%	118 99,16%	121 90,98%	/
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	16 3,33%	2 1,69%	1 0,91%	1 0,84%	12 9,02%	/
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
10	Thể chất						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	466 97,08%	117 99,15%	109 99,09%	118 99,16%	122 91,73%	/
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	14 2,92%	1 0,85%	1 0,91%	1 0,84%	11 8,27%	/
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
IV	Số học sinh chia theo phẩm chất.						
1	Yêu nước						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	470 97,92%	117 99,15%	110 100%	119 100%	124 93,23%	/
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	10 2,08%	1 0,85%	/	/	9 6,77%	/
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
2(4)	Nhân ái – Đoàn kết, yêu thương						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	469 97,71%	117 99,15%	110 100%	119 100%	123 92,48%	/
b	Đạt	11	1	/	/	10	/

	(tỷ lệ so với tổng số)	2,29%	0,85%			7,52%	
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
3(1)	Chăm chỉ - Chăm học chăm làm						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	453 94,38%	114 96,61%	108 98,18%	111 93,28%	120 90,23%	/
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	26 5,42	4 3,39%	2 1,82%	8 6,72%	12 9,02%	/
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	1 0,75%	/
4(3)	Trung thực - Kỷ luật						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	465 96,88%	116 98,31%	110 100%	116 97,48%	123 92,48%	/
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	15 3,12%	2 1,69%	/	3 2,52%	10 7,52%	/
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
5(2)	Tự tin - Trách nhiệm						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	461 96,04%	114 96,61%	109 99,09%	116 97,48%	122 91,73%	/
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	19 3,96%	4 3,39%	1 0,91%	3 2,52%	11 8,27%	/
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
V	Số học sinh chia theo kết quả học tập.						
1	Tiếng Việt						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	622 98,42%	116 98,31%	109 99,09%	118 99,16%	129 96,99%	150 98,68%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	10 1,58%	2 1,69%	1 0,91%	1 0,84%	4 3,01%	2 1,32%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
2	Toán						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	615 97,31%	117 99,15%	110 100%	117 98,32%	127 95,49%	144 94,74%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	17 2,69%	1 0,85%	/	2 1,68%	6 4,51%	8 5,26%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
3	Khoa học						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)					132 99,25%	152 100%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)					1 0,75%	/
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)					/	/
4	Lịch sử và Địa lí						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)					130 97,74%	151 99,34%
b	Hoàn thành					3	1

	(tỷ lệ so với tổng số)					2,26%	0,66%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)					/	/
5	Tiếng nước ngoài (Tiếng Anh)						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)				119 100%	131 98,50%	152 100%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)				/	/	/
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)				/	/	/
6	Đạo đức						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	597 94,46%	111 94,07%	110 100%	103 86,55%	126 94,74%	147 96,71%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	35 5,54%	7 5,93%	/	16 13,45%	7 5,26%	5 3,29%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
7	Tự nhiên và Xã hội						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	311 89,63%	110 93,22%	108 98,18%	93 78,15%	/	/
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	36 10,37%	8 6,78%	2 1,82%	26 21,85%	/	/
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
8	Nghệ thuật - Âm nhạc						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	565 89,40%	107 90,68%	99 90%	102 85,71%	117 87,97%	140 92,11%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	67 10,60%	11 9,32%	11 10%	17 14,29%	16 12,03%	12 7,89%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
9	Nghệ thuật - Mỹ thuật						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	588 93,04%	111 94,07%	100 90,91%	113 94,96%	124 93,23%	140 92,11%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	44 6,96%	7 5,93%	10 9,09%	6 5,04%	9 6,77%	12 7,89%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
10	Hoạt động trải nghiệm						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	435 90,63%	111 94,07%	108 98,18%	95 79,83%	121 90,98%	/
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	45 9,37%	7 5,93%	2 1,82%	24 20,17%	12 9,02%	/
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
11	Công nghệ (Kỹ thuật)						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	384 95,05%			119 100%	132 99,25%	133 87,5%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	20 4,95%			/	1 0,75%	19 12,5%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/			/	/	/

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
12	Giáo dục thể chất - Thể dục						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	578 91,46%	110 93,22%	107 97,27%	116 97,48%	108 81,20%	137 90,13%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	53 8,39%	7 5,93%	3 2,73%	3 2,52%	25 18,80%	15 9,87%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,15%	1 0,85%	/	/	/	/
13	Tin học						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	403 99,75%			119 100%	132 99,25%	152 100%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,25%			/	1 0,75%	/
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	/			/	/	/
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)						
a	Trong đó: Học sinh được khen thưởng cấp trường. (tỷ lệ so với tổng số)						
b	Học sinh được cấp trên khen thưởng. (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)						

Quận 10, ngày 25 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Lưu Thuận Phong